

Bản án số: 20 /2021/DSST

Ngày: 8/2/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M L - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử và bà Dương Thị Kim Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 2 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2020/TLST- DS ngày 01/12/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 07/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 10 /2021 ngày 21/01/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H- sinh năm 1973

Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện M L, thành phố Hà Nội

2/ Bị đơn: Chị Lê Thị Thùy L- sinh năm 1998

Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện M L, thành phố Hà Nội

(Tại phiên tòa chị H có mặt; chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Đỗ Thị H trình bày:

Ngày 16/11/2019 chị có cho chị Lê Thị Thùy L là người cùng xóm vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi, thời hạn trả bắt đầu từ ngày 25/8/2020 mỗi tháng trả 2.000.000đ. Khi vay chị L là người viết giấy vay tiền và ký nhận. Trong quá trình vay chị L mới trả được 1.000.000đ sau đó không trả thêm đồng nào nữa, chị đã đòi rất nhiều lần nhưng không được. Nay chị làm đơn khởi kiện ra tòa, đề nghị Tòa án buộc Lê Thị Thùy L phải trả chị số tiền gốc là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), chị tự nguyện không yêu cầu phải trả lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị H đã cung cấp Giấy vay tiền ngày 16/11/2019.

Đối với bị đơn Lê Thị Thùy L:

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên chị L vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm yêu cầu chị L trả số tiền 19.000.000đ, còn chị L vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa chấp hành.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H

Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Thùy L thanh toán số tiền nợ mà chị H đã cho chị L vay nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã T, huyện M L là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] *Về nội dung:*

Theo Giấy vay tiền giữa chị H và chị L thể hiện ngày 16/11/2019 chị H cho chị L vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thời hạn trả bắt đầu ngày 25/8/2020, tuy nhiên chị L mới trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng). Trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi và tại phiên tòa chị H cũng không yêu cầu phải trả tiền lãi nên đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 BLDS năm 2015.

HĐXX nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị L đều không có mặt, không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 BLTTDS năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Về lãi suất: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét

[3] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và khoản 1 Điều 470 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H về việc buộc chị Lê Thị Thùy L phải trả tiền vay theo “Giấy vay tiền ngày 16/11/2019”.

Buộc chị Lê Thị Thùy L có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thị H số tiền gốc 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy L phải chịu số tiền án phí là 950.000.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả chị Đỗ Thị H số tiền 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh số AA/2017/0009878 ngày 25/11/2020.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định .

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M L;
- Chi cục THADS huyện M L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Diệu Kim

